

# QUẢN LÝ SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TRÊN NGUYÊN TẮC TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG Ở VÙNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ HIỆN NAY (\*)

BẾ VIẾT ĐẢNG

**I.** Hiện nay, trên thế giới, tuy tình hình có khác nhau ở mỗi nước, nhưng các vấn đề dân tộc, quan hệ dân tộc đang nổi lên trở thành những vấn đề hết sức phức tạp và trong nhiều trường hợp đã xảy ra các cuộc xung đột gay gắt, kéo dài, gây nhiều tổn thất về người và tiền của. Tìm hiểu nguyên nhân các cuộc xung đột dân tộc trên thế giới trong những năm qua, nhất là thời kỳ sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, chủ yếu là do sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá; tình trạng xã hội thiếu sự bình đẳng giữa các tộc người. Nước ta là một nước đa dân tộc và giữa các dân tộc có sự phát triển không đồng đều là hệ quả của lịch sử nên trong mấy chục năm qua, chính sách chung của Đảng đối với các dân tộc ở nước ta là "Đoàn kết, bình đẳng, tương trợ". Ngay từ năm 1951, tại Đại hội lần thứ II, Đảng ta đã quyết nghị: "Các dân tộc sống trên đất Việt Nam đều được bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, phải đoàn kết giúp đỡ nhau để kháng chiến và kiến quốc ..." (1). Tiếp đó, các Đại hội Đảng lần thứ III, IV, và V sau này cũng đã vạch ra vấn đề cơ bản của chính sách dân tộc trong giai đoạn hiện nay là: thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc, đoàn kết giúp nhau tiến bộ v.v... về kinh tế - văn hoá, các dân tộc, các vùng miền núi tiến kịp nhau.

Khi Đảng ta đề xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Báo cáo chính trị của Đại hội VI đã chỉ rõ: "Trong việc phát triển kinh tế, xã hội ở những nơi có đông đồng bào các dân tộc thiểu số cần thể hiện đầy đủ chính sách dân tộc phát triển mối quan hệ tốt đẹp gắn bó giữa các dân tộc trên tinh thần đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau cùng làm chủ tập thể; kết hợp phát triển kinh tế và phát triển xã hội, đẩy mạnh sản xuất và chăm lo đời sống con người kể cả những người từ nơi khác đến và dân tại chỗ" (2). Gần đây, tại đại hội lần thứ VIII, Đảng ta lại khẳng định: "Vấn đề dân tộc có vị trí chiến lược lớn. Thực hiện "bình đẳng, đoàn kết, tương trợ" giữa các dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước" (3).

**II.** Khái niệm bình đẳng trong các văn kiện của Đảng trước hết cần được hiểu là sự bình đẳng xã hội, tức là sự ngang bằng nhau giữa các cộng đồng tộc người về mọi phương diện (bình đẳng xã hội) hoặc về một phương diện xã hội (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội v.v...) nào đấy. Trong số những quan hệ bình đẳng xã hội, công bằng xã hội đó là sự bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, về cống hiến và hưởng thụ là quan trọng nhất. Việc thực hiện công bằng xã hội như vậy chính là thực hiện một phần của bình đẳng xã hội, là một bước tiến trên con đường dài nhằm dân dần đạt tới bình đẳng xã hội hoàn toàn.

\*. Bài này có sự đóng góp của PTS. Lê Duy Đại

Công bằng xã hội là một mục tiêu để con người thoả mãn những nhu cầu cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần trong mối quan hệ tương đối hợp lý giữa cá nhân và nhóm xã hội, phù hợp với khả năng hiện thực của những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định. Đối với miền núi, nơi mà đại đa số người dân còn nghèo, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn, điều kiện đảm bảo cho sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn thì thực hiện được điều đó không phải là đơn giản. Trong điều kiện đó chỉ có phát triển kinh tế mới có thể thực hiện được công bằng xã hội ở mức độ cho phép để ổn định và phát triển xã hội. Rút kinh nghiệm ở một số nước trên thế giới, hoặc là coi trọng mặt này mà xem nhẹ mặt kia hoặc ngược lại, Đảng ta chủ trương giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng phát triển kinh tế với công bằng xã hội ngay từ đầu giai đoạn phát triển một cách tự giác, hợp lý theo hướng "tăng trưởng kinh tế phải luôn gắn với tiến bộ và công bằng xã hội" (4) để hai mặt đó không mâu thuẫn nhau, loại bỏ nhau mà trái lại, trở thành tiền đề của nhau và hơn nữa để cho mặt này bao hàm cả mặt kia ở một mức độ hợp lý. Trong mối quan hệ này, công bằng xã hội thể hiện ở khâu phân phối tư liệu sản xuất lẫn khâu phân phối kết quả sản xuất cũng như ở điều kiện phát triển năng lực của mọi thành viên cộng đồng. Theo báo cáo về phát triển nguồn nhân lực năm 1997 của UNDP, việc nước ta thuộc 1 trong 10 nước có thứ hạng chỉ số phát triển con người (HDI) cao hơn ít nhất 20 bậc so với thứ hạng GDP đã chứng tỏ, ở nước ta tăng trưởng kinh tế gắn liền với cải thiện đời sống của nhân dân và gắn với việc giải quyết công bằng xã hội.

Để thực hiện sự tiến bộ và công bằng xã hội trong những năm qua, vùng các dân tộc thiểu số cũng như các vùng khác trong cả nước đã từng bước thực hiện nhiều chương trình, dự án xã hội như xoá đói giảm nghèo, chăm sóc những người có công với nước, phụng dưỡng chăm sóc các bà mẹ Việt Nam anh hùng...; đồng thời thực hiện nhiều chương trình, dự án phát triển như đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi; thay đổi cơ cấu kinh tế, định canh định cư, xây dựng các cơ sở công nghiệp, mở mang đường giao thông vận tải, thuỷ điện, trường học, nhất là hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú... Trong những năm 1991 - 1995, số vốn đầu tư cho miền núi bằng 32% tổng số vốn đầu tư cho cả nước. Hiện nay có 26 chương trình dự án (không kể chương trình 327, phủ xanh đất trống đồi trọc) ở các tỉnh miền núi (5). Đó là bước đi quan trọng của việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và các dân tộc, miền núi đã có những tiến bộ về kinh tế - văn hoá, nhất là ở những vùng phát triển thuận lợi như khối lượng sản phẩm hàng hoá của các hộ nông dân nhiều hơn, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào được cải thiện, cách làm ăn đã có đổi mới...

Mặc dù vậy, do nhiều nguyên nhân, việc thực hiện sự tiến bộ và công bằng xã hội ở vùng các dân tộc vẫn còn nhiều hạn chế. Điều dễ thấy là những biến đổi về kinh tế - văn hoá ở những nơi có điều kiện thuận lợi cũng chỉ là bước đầu. Hầu hết các hộ nông dân vẫn trong tình trạng sản xuất nhỏ, sản xuất mang tính tự cung tự cấp, ít có sản phẩm hàng hoá. Nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội chưa được thực hiện tốt, vốn ngân sách bị phân tán, không được kiểm tra và chỉ đạo cụ thể, nên đã thất thoát không ít, nhiều công trình làm dở dang, trong khi những việc cần làm như giao thông vận tải chưa được đầu tư giải quyết cơ bản. Nhiều vấn đề xã hội nảy sinh và kéo dài. Tỷ lệ người thuộc diện nghèo đói ở vùng các dân tộc thiểu số, miền núi vẫn ở mức cao, thậm chí có những bộ phận dân cư có thể còn nghèo hơn trước đây. Trong bảng xếp loại 48 dân tộc theo trình độ phát triển, có tới 37 dân tộc đạt số điểm phát triển dưới mức trung bình của cả nước (6). Học vấn thấp, thiếu cán bộ...

Các nguyên nhân gây ra tình trạng này chủ yếu là do thiếu các điều kiện sản xuất, trước hết là vốn và đất đai. Điều này không khỏi làm chúng ta ngạc nhiên khi thấy 89,29% và 84,69% số hộ người Dao ở Tân Dân - Hoàn Bồ - Quảng Ninh trả lời những khó khăn mà họ gặp phải trong sản xuất kinh doanh hiện nay là thiếu ruộng đất và thiếu vốn, cao hơn rất nhiều so với các loại khó khăn khác (thiếu lao động, công cụ sản xuất, không được hướng dẫn kỹ thuật, thuế và các khoản đóng góp khác...). Ở người Khơme tỉnh Trà Vinh, 81,9% số hộ được hỏi cho rằng thiếu vốn là khó khăn lớn nhất để phát triển sản xuất, còn ở những nơi khác như Sóc Trăng, đồng bào Khơme thiếu ruộng đất nghiêm trọng, phải kiếm sống bằng con đường làm thuê. Ở miền núi phía Bắc trên 1,5 triệu người du canh du cư thiếu những cơ sở sản xuất ổn định, và cũng vậy ở những người di dịch cư của vùng thấp.

III. Để thực hiện đầy đủ chính sách bình đẳng dân tộc như đã được vạch ra thì việc đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế là điều kiện quan trọng.

1. Trong tình trạng chậm phát triển hiện nay, sự đòi hỏi của thực tế vẫn là tăng thêm các chương trình dự án phát triển đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng thực hiện các chương trình dự án để có thể có kết quả và hiệu quả cao. Mặt khác, chú ý đến việc phân bố các dự án một cách hợp lý, chú ý đến tỉnh nghèo và vùng nghèo (như tỉnh Cao Bằng chẳng hạn). Các chương trình dự án vẫn cần dựa trên quy hoạch, các kế hoạch phát triển, tính đến thị trường một cách rõ ràng để có thể tránh công việc vừa làm xong lại muốn bỏ. Đương nhiên những người được giao việc phải là những người có trình độ và có tinh thần phụ trách cao, khai thác tốt những tiềm năng thế mạnh từng địa phương trong điều kiện mới. Các chương trình dự án cần tập trung xây dựng các cơ sở của nền sản xuất vật chất, giao thông vận tải, giáo dục, văn hoá, thực hiện theo tinh thần Nhà nước và nhân dân cùng làm như mở mang diện tích ruộng bậc thang, hồ chứa nước, rừng cây, bãi cỏ, đường xá, trường học, trạm xá... phục vụ cho định canh định cư, khắc phục tình trạng di dịch cư tự do, ổn định và từng bước nâng cao đời sống nhân dân, tạo ra những khả năng cho sự phát triển bền vững.

Hiện nay cũng như các tỉnh của cả nước, các tỉnh miền núi, các vùng dân tộc đang đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu kinh tế gắn liền với công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Trong công việc này với sự tìm tòi của đội ngũ cán bộ, bản thân người nông dân ở vùng cao dân tộc và miền núi đang hiện lên những cách làm ăn mới khác nhau, sử dụng tốt hơn những tiềm năng lao động và đất đai, đáp ứng những nhu cầu của thị trường. Ở những nơi thành công trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, việc làm cũng như thu nhập của người lao động đều tăng lên đáng kể, rừng cũng được phục hồi. Không phải ngẫu nhiên ở nhiều nơi người dân đã làm nhà ở tốt hơn, sắm được nhiều đồ dùng mới, cho con em đến trường học... Song, chuyển đổi cơ cấu cây trồng là công việc không đơn giản, có nhiều khó khăn, vì nó gắn với kinh tế - kỹ thuật, sự hiểu biết, cả các quan hệ xã hội nữa, mà bản thân người nông dân khó có thể một thời gian ngắn vượt qua, thường phải trải qua mầy mò mất nhiều thời gian. Chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu kinh tế gắn liền với công nghiệp hoá và hiện đại hoá càng khó hơn, cần có tác động của Nhà nước. Điều quan trọng còn là với công nghiệp hoá và hiện đại hoá cần thu hút được lao động các dân tộc, gắn với đời sống các dân tộc. Đó là con đường tăng thêm việc làm và thu nhập.

Phát triển kinh tế - văn hoá thông qua việc thực hiện các chương trình dự án, tiến hành chuyển đổi cơ cấu sản xuất và cơ cấu kinh tế phải đạt được những tiến bộ nhất định theo thời gian và đó cũng là mặt quan trọng để thực hiện công bằng xã hội.

Bảo vệ, phát triển rừng là nhiệm vụ quan trọng về nhiều mặt không chỉ đối với miền núi mà cả với miền xuôi. Tác động của rừng đối với môi trường tự nhiên là rất lớn. Trong mấy chục năm qua một diện tích lớn rừng nước ta đã mất đi, độ che phủ hiện nay chỉ còn khoảng 22% trong khi đó việc trồng, khoanh nuôi bảo vệ rừng đạt hiệu quả thấp. Hiện nay, việc bảo vệ 9 triệu ha rừng còn lại theo chủ trương Chính phủ gặp không ít khó khăn. Tuy sự phân bố dân cư có nhiều thay đổi trong những năm qua, song cư dân các dân tộc thiểu số vẫn có vai trò hết sức quan trọng trong việc bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn. Và việc có các chính sách phù hợp với thực tiễn hơn nữa theo hướng tiến bộ và công bằng xã hội vẫn đang cần được giải đáp.

2. Phát triển kinh tế miền núi, vùng các dân tộc thiểu số đòi hỏi nguồn vốn lớn. Nguồn vốn này, ngoài việc trung ương tiếp tục đầu tư ở mức cao hơn những năm trước đây, có thể cần nghiên cứu để xây dựng "Quỹ hỗ trợ, phát triển dân tộc miền núi" bằng nhiều nguồn lực, kể cả sự tài trợ của các tổ chức quốc tế; thành lập ngân hàng bảo vệ, phát triển rừng và tài nguyên rừng hoặc xây dựng quỹ tín dụng dành riêng cho đồng bào, mở rộng cho vay ngoài chương trình dự án với lãi suất thấp hay không có lãi, giúp cho những nhóm cư dân cuộc sống có nhiều khó khăn. Ở đây, cũng có thể thực hiện chế độ đảm phụ ở những thành phố và những vùng có lợi thế về kinh tế để hỗ trợ vùng dân tộc thiểu số như kinh nghiệm Quảng Nam - Đà Nẵng trước đây đã làm là thành phố Đà Nẵng và các huyện ở đồng bằng có kinh tế phát triển khá hơn phải có trách nhiệm giúp 4 huyện miền núi Giàng, Phước Sơn, Hiên và Trà My...

3. Để thực hiện đầy đủ chính sách bình đẳng dân tộc như đã được vạch ra, ngoài việc đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - văn hoá thì nhiệm vụ cơ bản hàng đầu hiện nay là xây dựng cho được đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, làm cho mỗi dân tộc có đội ngũ cán bộ vừa có năng lực văn hoá, chuyên môn, trình độ chính trị vừa hiểu biết tâm tư nguyện vọng của người dân, gắn bó chặt chẽ với sự tiến bộ xã hội của của đồng bào nơi quê hương mình, có khả năng thực hiện tốt các chương trình, dự án phát triển theo quy định và luật pháp Nhà nước. Không có đội ngũ cán bộ vững mạnh của từng dân tộc, nhất là ở cơ sở thì các đường lối chủ trương của Đảng khó đến được với người dân hoặc thực hiện không đầy đủ, gây nhiều trở ngại trong việc thu hút và phát huy những năng lực phong phú của đồng bào quần chúng thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, xây dựng xã hội mới. Bình đẳng dân tộc trong tình hình đó chỉ là những cái được tiếp nhận chứ không phải là những tiến bộ kinh tế, văn hoá, xã hội thực sự mà các dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng đã giành được từ lao động xây dựng. Hiện nay, đội ngũ cán bộ của các dân tộc, nhất là các cán bộ ở cơ sở và biên giới còn nhiều yếu kém và thiếu nguồn lực để đào tạo. Nhiều dân tộc như Lự, Cờ Lao, Si La, Pu Péo, Bראו, Rơ măm, La Hủ..., thậm chí chưa có người tốt nghiệp bậc phổ thông trung học đang là những trở ngại lớn trên bước đường đào tạo cán bộ nói riêng và thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội nói chung. Ở vùng các dân tộc hiện nay phổ biến một tình trạng chung là các cán bộ cấp cơ sở (xã, bản, buôn...) không những không có khả năng xây dựng các chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, mà còn nhiều hạn chế trong việc quản lý, điều hành thực hiện các chương trình, dự án phát triển nên đã sinh ra nhiều điều đáng tiếc.

Trước tình hình đó, yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ có khả năng đảm đương tốt các công việc hiện thời và lâu dài, đòi hỏi phải có quy hoạch, các kế hoạch đào tạo, sử dụng và bồi dưỡng một cách tích cực khẩn trương. Ngoài hình thức chính quy, dài hạn vẫn cần hình thức đào tạo không chính quy, ngắn hạn; khuyến khích các địa phương gửi con em mình đi đào tạo tại các trường dạy nghề, cao đẳng, đại học (đào tạo có địa chỉ). Trước mắt, đối với các dân tộc vùng cao, vùng xa xôi, hẻo lánh, cần mở các lớp ngắn hạn đào tạo số cán bộ xã, thôn, bản có khả năng quản lý nhằm phục vụ tích cực cho việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở. Đồng thời, cần xây dựng một cơ cấu đội ngũ cán bộ phù hợp với yêu cầu chính trị, xã hội; khai thác các thế mạnh kinh tế, bảo tồn và phát huy vốn văn hoá truyền thống của địa phương.

Trong cơ cấu xã hội của nhiều dân tộc thiểu số hiện nay, những người trưởng bản, già làng, trưởng tộc... còn giữ vai trò quan trọng trong việc tập hợp, đoàn kết, động viên đông đảo quần chúng và có tác động tới các quan hệ cộng đồng. Cho nên phải biết sử dụng và phát huy những mặt tích cực của họ, tránh sự mặc cảm thành kiến, nghi kỵ từ đó né tránh, gạt bỏ, thậm chí đối lập với họ. Trong một số trường hợp cụ thể, có thể để các cá nhân đó tham gia vào Hội đồng nhân dân, chính quyền hay các đoàn thể quần chúng.

4. Cùng với việc đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ thì việc nâng cao dân trí cũng như tạo ra những điều kiện thuận lợi, những cơ may, cơ hội cho người dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống là rất cần thiết trên bước đường thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở vùng các dân tộc. Thực tế những năm qua, ở nhiều nơi, yếu tố trí tuệ - trình độ học vấn biểu hiện khá rõ rệt, những chủ hộ trẻ có trình độ học vấn khá thường là những hộ khá giả và ở những vùng kinh tế - xã hội phát triển thường do có lợi thế về điều kiện tự nhiên, giao thông, hệ thống chợ thuận tiện, các chương trình khuyến nông, khuyến lâm phát triển. Trong điều kiện trình độ dân trí ở các dân tộc còn rất thấp, điều quan trọng là ngoài việc làm cho mỗi gia đình, nhất là những chủ gia đình có trình độ học vấn tối thiểu, tiếp xúc thường xuyên với sách báo, thông tin hiện đại để có những hiểu biết về đời sống và cách làm ăn mới; Nhà nước còn phải chú trọng đầu tư phát triển mạng lưới giao thông, tăng cường đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ khuyến nông, khuyến lâm... phổ biến những tài liệu khoa học cần thiết mà đồng bào đang quan tâm và hướng dẫn bà con trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất.

IV. Để thực hiện tốt sự tiến bộ và công bằng xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, công tác quản lý sự phát triển xã hội có vai trò quan trọng. Trước hết việc tiến hành xoá đói, giảm nghèo, giảm những chênh lệch trong sự phát triển giữa các dân tộc, đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - văn hoá, tạo ra sức vươn lên mạnh mẽ hơn trong đồng bào các dân tộc thì việc điều tra lập quy hoạch phát triển cho từng vùng, từng địa phương phải được làm tốt. Việc điều tra bao gồm cả những tiềm năng kinh tế, xã hội - văn hoá, an ninh - quốc phòng. Trong tiềm năng, cần làm rõ những tiềm năng đất đai, nguồn nước, tài nguyên rừng, khoáng sản, năng lực sản xuất, giao thông, cảnh quan du lịch ... những số liệu điều tra cần cụ thể, trên cơ sở đó lập các kế hoạch và chương trình dự án phát triển cho từng nơi, huyện, xã, nông lâm trường, đồng thời chỉ ra cách thực hiện các kế hoạch và chương trình dự án một cách cụ thể.

Hiện nay, những số liệu về sự phát triển kinh tế - văn hoá, xã hội của các dân tộc được đề cập đến trong các sách báo khoa học, trong các báo cáo của các cấp Đảng, chính quyền địa phương với những số liệu rất khác nhau, trong đó không ít số liệu không phù hợp với thực tế. Vậy, để quản lý xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng đòi hỏi làm sáng rõ hơn nữa chỉ số về kinh tế, văn hoá, xã hội hiểu rõ đời sống của cư dân các dân tộc một cách đầy đủ và khách quan hơn.

Đối với các dân tộc, miền núi, các chỉ tiêu về kinh tế cần phải nắm đó là : điều kiện sản xuất lương thực trên ruộng và nương; sự phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày, chăn nuôi, kinh tế rừng; mức độ đảm bảo lương thực, tỷ suất giá trị hàng hoá, tổng thu nhập tính theo đầu người...; các chỉ tiêu về văn hoá, xã hội đó là : tỷ lệ chết của trẻ em dưới 5 tuổi, tuổi thọ trung bình, tỷ lệ số y bác sỹ và số giường bệnh; mức tiêu thụ protein, tỷ lệ người biết chữ, số người tốt nghiệp các cấp phổ thông, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, số lượng các phương tiện nghe nhìn và các chỉ tiêu về đời sống vật chất - dịch vụ như nhà ở kiên cố, hệ thống đường giao thông, mạng lưới chợ búa v.v...

Để có những tư liệu về các chỉ tiêu chính xác, khách quan và có thể so sánh các nguồn tư liệu với nhau, trong nghiên cứu cần xây dựng và sử dụng những tiêu chí chung mang tính phổ biến. Trên cơ sở những tư liệu này, tiến hành phân vùng và phân loại các dân tộc theo trình độ phát triển để có những chính sách phù hợp cho từng vùng và từng dân tộc.

V. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở vùng các dân tộc thiểu số vấn đề mấu chốt là đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Chừng nào các dân tộc còn nghèo nàn về mọi mặt, khoảng cách về trình độ phát triển giữa các dân tộc còn nhiều như hiện nay thì công bằng xã hội và dân dân tiến tới bình đẳng như chính sách dân tộc của Đảng đề ra là chưa thể thực hiện được. Hơn nữa, sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở vùng các dân tộc thiểu số, miền núi còn là đòi hỏi của đất nước do vị trí quan trọng của nó đối với sự phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc phòng và môi trường sinh thái đối với cả nước.

### Chú thích

1. Văn kiện của Đảng về chính sách dân tộc, NXB Sự Thật; H. 1965, Tr. 35.
2. Một số văn kiện về chính sách dân tộc - miền núi của Đảng và Nhà nước. NXB Sự Thật, H. 1992, Tr. 5, 6.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. NXB Chính trị Quốc gia, H. 1996, Tr. 125.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. NXB Chính trị Quốc gia, H. 1997, Tr. 31.
5. Nhân dân, ngày 12 tháng 11 năm 1995.
6. Đặng Thu. Một số vấn đề về dân số Việt Nam. NXBKHXH; H. 1996, Tr. 28.